



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ

số tháng 8/2023



MỤC LỤC

PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 07/2023	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	2
2. Dự báo tăng trưởng	5
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	7
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 07/2023	7
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	7
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	7
1.1.2. Xuất nhập khẩu	8
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	9
1.1.4. Hoạt động đầu tư	10
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	11
1.1.6. Lạm phát cơ bản	11
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	12
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	12
1.2.2. Lãi suất	12
1.2.3. Tỷ giá	13
1.2.4. Chứng khoán	13
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	15
2.1. Về chủ trương, chính sách	15
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	15
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	17
1. Thị trường dầu thô	17
2. Thị trường khí	20
3. Thị trường phân bón	21
4. Thị trường điện	24
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	26
<i>Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 7 năm 2023</i>	<i>27</i>



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI

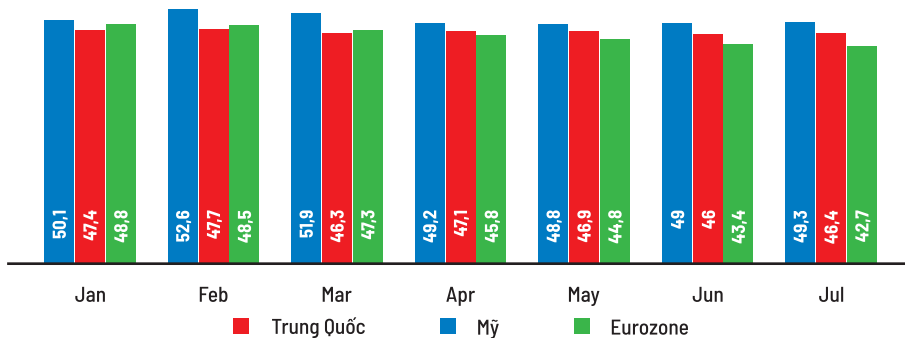
1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 07/2023

1.1. Tổng quan chung

Các chỉ báo kinh tế toàn cầu đều đang phản ánh đà tăng trưởng suy yếu với hoạt động sản xuất giảm sút trên diện rộng, trong khi thương mại xuống dốc.

Chỉ số PMI sản xuất toàn cầu đạt 48,7 điểm vào tháng 7/2023, giảm 0,1 điểm từ mức 48,8 điểm trong tháng 6/2023. Chỉ số PMI toàn cầu tháng 7/2023 cho thấy sản lượng sản xuất của nhà máy và đơn đặt hàng mới toàn cầu nói chung trong tháng giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 6 tháng qua, trong đó đặc biệt suy giảm nhanh tại khu vực đồng euro và Châu Á cũng bắt đầu ghi nhận dấu hiệu suy giảm. Riêng hoạt động tại Mỹ có dấu hiệu cải thiện tích cực hơn dù vẫn ở ngưỡng dưới 50 điểm.

PMI SẢN XUẤT 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Có thể thấy hoạt động sản xuất toàn cầu tiếp tục suy giảm gây khó khăn cho các nhà hoạch định chính sách trong chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ nhằm kiểm chế lạm phát, ngăn chặn suy thoái tiềm ẩn.

Chính sách tiền tệ thắt chặt, hệ quả từ cuộc chiến ở Ukraine, sự suy giảm của thương mại toàn cầu và thách thức do diễn biến thời tiết bất lợi do biến đổi khí hậu đều có ảnh hưởng nhất định.

Hậu quả dễ thấy nhất là thị trường bất động sản thương mại ở nhiều nước lâm vào khó khăn, tăng trưởng của nhiều nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu sụt giảm và nợ công của một số nước, đặc biệt là các nước nghèo, tăng nhanh và không còn ở mức bền vững nữa.

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

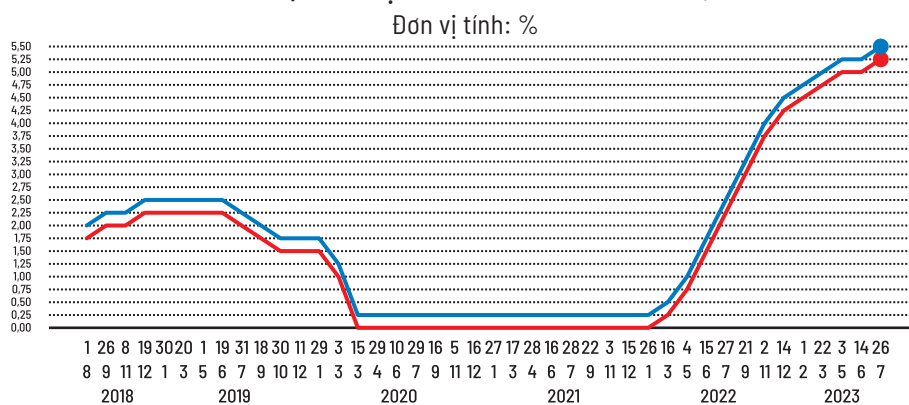
▪ Kinh tế Mỹ

Bất chấp ảnh hưởng của lãi suất tăng và lạm phát còn cao, nền kinh tế Mỹ tăng tốc trong quý 2 vừa qua: GDP tăng trưởng 2,4% với các động lực tăng trưởng chính là đầu tư của doanh nghiệp (tăng 7,7% trong quý 2, tăng tốc mạnh so với mức tăng 0,6% trong quý 1) và mua sắm chính phủ. Riêng tiêu dùng có dấu hiệu giảm tốc, chỉ tăng trưởng 1,6% trong quý 2, phản ánh nhu cầu chậm lại nhưng không sụt giảm mạnh nhờ thị trường lao động của Mỹ vẫn thắt chặt và tăng trưởng tiền lương thực tế đang tăng lên.

Chỉ số PMI sản xuất tại Mỹ đạt 46,4 điểm trong tháng 7/2023, tăng nhẹ so với mức 46,3 điểm trong tháng 6/2023. Trong khi đó, chỉ số quản lý mua hàng (PMI) phi sản xuất của Mỹ giảm từ mức 53,9 điểm trong tháng 6/2023 xuống mức 52,7 điểm trong tháng 7/2023.

Trong bối cảnh đó, ngày 26/7/2023, Fed vẫn quyết định tăng lãi suất thêm 0,25%, lên khoảng từ 5,25% đến 5,5%, mức cao nhất trong 22 năm gần đây. Ngay sau quyết định thắt chặt nêu trên của FED, đồng USD đã có dấu hiệu suy giảm trong những ngày cuối tháng 7 và đầu tháng 8/2023.

FED VẪN QUYẾT ĐỊNH TĂNG LÃI SUẤT THÊM 0,25%



Nguồn: FED

CHỈ SỐ ĐỒNG USD THÁNG 7 NĂM 2023



Nguồn: Bloomberg

Đáng chú ý, đầu tháng 8/2023, Fitch Ratings đã hạ bậc tín dụng của Mỹ từ bậc cao nhất AAA xuống bậc AA+ do suy giảm tài chính và các tiêu chuẩn quản trị cũng như lo ngại trần nợ công đe dọa khả năng thanh toán của Mỹ, mặc dù cuộc khủng hoảng trần nợ công của nước này đã được giải quyết vào hai tháng trước.

Một số tổ chức tài chính đánh giá tăng trưởng kinh tế Mỹ không được lạc quan. JP Morgan đánh giá GDP của Mỹ trong 12 tháng tới có thể tăng trưởng âm 2%. Còn Citigroup dự báo là dưới 1%. IMF cũng dự báo Mỹ sẽ tăng trưởng 1,8% trong năm nay và 1% vào năm 2024.

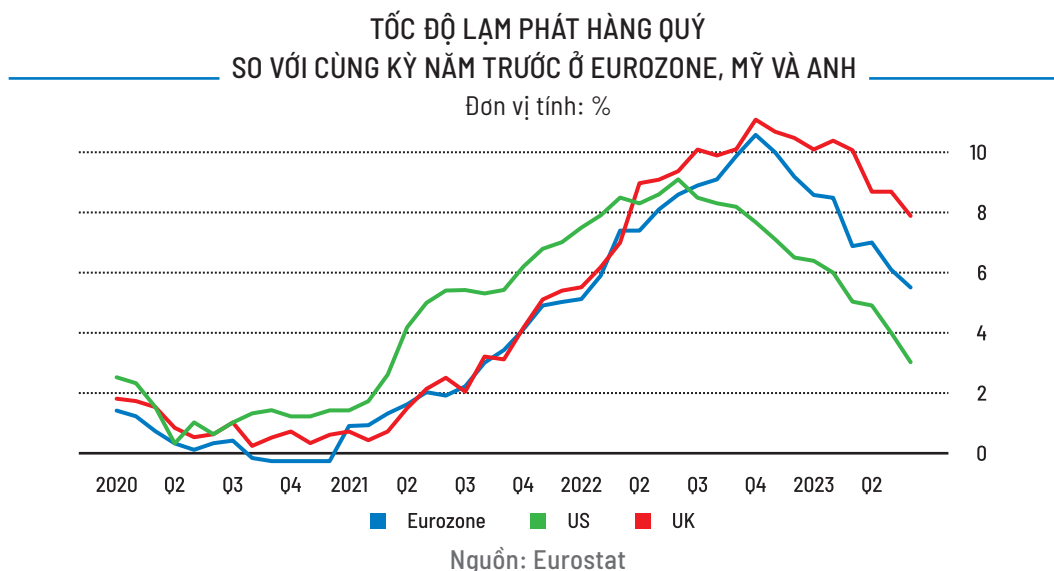
▪ Kinh tế EU

Bức tranh kinh tế của các quốc gia châu Âu vẫn khá u ám. Hoạt động kinh doanh ở Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) trong tháng 7 suy giảm mạnh hơn rất nhiều so với dự báo, và thách thức lạm phát vẫn nghiêm trọng.

Chỉ số PMI ngành sản xuất của khu vực đồng Euro giảm xuống mức 42,7 điểm trong tháng 7/2023 so với mức 43,4 điểm vào tháng 6 trước đó. Đây là mức thấp nhất kể từ tháng 5/2020.

Hoạt động kinh doanh của Eurozone sụt giảm mạnh trong tháng 7 vừa qua, suy giảm mạnh hơn rất nhiều so với dự báo do nhu cầu đối với ngành dịch vụ then chốt, trong khi sản lượng sản xuất cũng giảm với tốc độ nhanh nhất kể từ khi xảy ra đại dịch Covid-19.

Ngày 27/7/2023, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) tăng lãi suất thêm 0,25 điểm phần trăm lên mức 3,75%, mức cao kỷ lục thiết lập vào năm 2001. Đây là đợt tăng lãi suất thứ 9 liên tiếp của ECB và diễn ra một ngày sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có đợt tăng lãi suất. Đồng Euro tụt giá 0,8% so với USD ngay sau quyết định của ECB. Đồng thời ECB phát tín hiệu có thể đã sẵn sàng cho việc kết thúc chiến dịch nâng lãi suất mặc dù lạm phát hiện tại của khu vực đồng euro vào khoảng 5,5%, cao hơn nhiều so với mục tiêu 2% ban đầu đề ra.



Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo nền kinh tế Eurozone có khả năng đạt mức tăng trưởng chỉ 0,9% trong năm nay, trong trường hợp xảy ra suy thoái ở Đức - nơi GDP được dự báo giảm 0,3%. Các nhà kinh tế của Citigroup dự báo tăng trưởng GDP của khu vực đồng euro trong năm 2023 sẽ ở mức 0,8%, giảm 0,3 điểm phần trăm so với mức dự báo trước đó.

▪ Kinh tế Trung Quốc

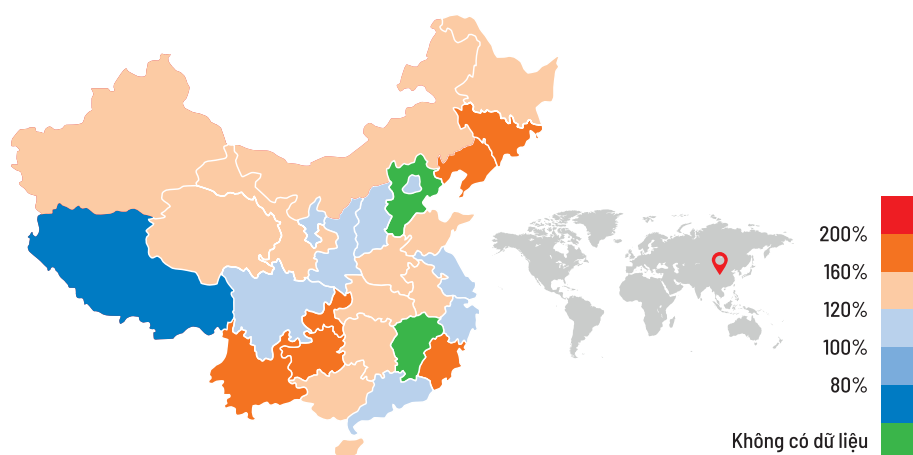
Sự phục hồi của kinh tế Trung Quốc đang ngày càng đuối khi GDP chỉ tăng 0,8% trong quý 2 (GDP Quý 1 tăng trưởng 2,2%), qua đó phản ánh doanh thu bán lẻ yếu, đầu tư suy giảm ở khu vực kinh tế tư nhân và sự đảo chiều của xuất khẩu.

Hoạt động sản xuất tại Trung Quốc tiếp tục sụt giảm trong tháng thứ tư liên tiếp trong khi tăng trưởng trong lĩnh vực dịch vụ và các lĩnh vực khác chậm lại. Cụ thể, PMI lĩnh vực sản xuất chế tạo đạt 49,2 điểm trong tháng 7, tăng nhẹ so với mức 49 điểm ghi nhận trong tháng 6 nhưng PMI phi sản xuất đã giảm xuống 51,5 từ mức 53,2 của tháng trước đó.

Tại Trung Quốc, sự phục hồi sau khi nền kinh tế mở cửa trở lại có dấu hiệu mất đà trong bối cảnh những lo ngại tiếp diễn về lĩnh vực bất động sản, với những tác động đối với nền kinh tế toàn cầu.

Thị trường nợ các địa phương với quy mô lên tới 9.000 tỷ USD tại Trung Quốc đang ngày càng gia tăng rủi ro đổ vỡ. Điều này buộc các nhà băng có vốn nhà nước quy mô lớn nhất Trung Quốc công bố gói vay dành với thời hạn siêu dài (25 năm) dành cho các LGFV nhằm ngăn chặn khủng hoảng thanh khoản.

ĐA PHẦN CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRUNG QUỐC ĐANG CÓ TỶ LỆ NỢ TRÊN THU NHẬP VƯỢT QUÁ 120%



Nguồn: Bloomberg

Nhu cầu vay tiền của nhóm LGFV rất lớn, có thể giúp các ngân hàng nhanh chóng đạt được mục tiêu tăng trưởng tín dụng. Tuy nhiên, đi kèm với đó là khả năng gia tăng các khoản nợ xấu, nhất là khi đa phần hoạt động của LGFV không hiệu quả và tài sản thanh khoản kém.

PBOC đã cung cấp các khoản vay chính sách trung hạn (MLF) trị giá khoảng 103 tỷ nhân dân tệ (14,4 tỷ USD) cho các ngân hàng thông qua công cụ MLF, chỉ nhiều hơn 3 tỷ nhân dân tệ so với số trái phiếu đáo hạn vào ngày 17/7. Mặc dù đây là lần thứ tám liên tiếp PBOC bơm ròng tiền vào nền kinh tế nhưng đây là lần bơm ròng thấp nhất kể từ tháng 11/2022.

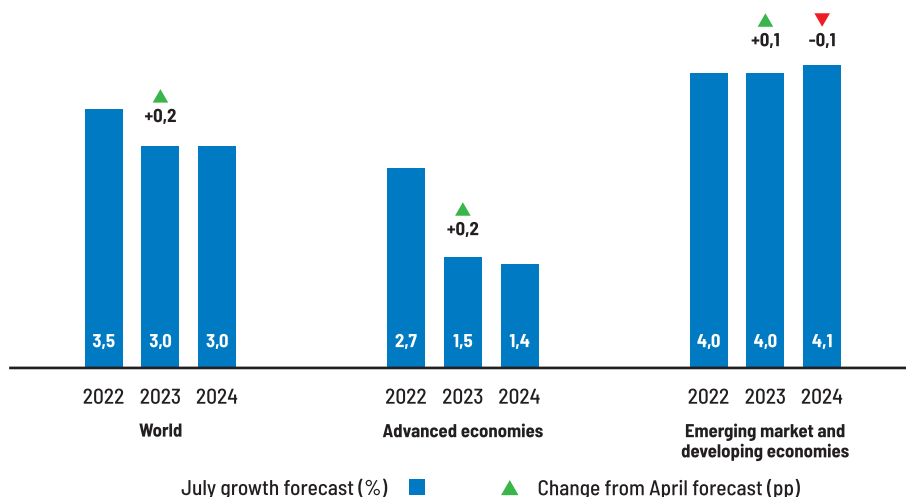
Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc sẽ giảm từ 5,2% trong năm nay xuống còn 4,5% vào năm 2024. Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) dự báo nền kinh tế Trung Quốc sẽ tăng trưởng 5,0% trong năm nay, không thay đổi so với mức dự báo hồi tháng 4, giữa bối cảnh nhu cầu nội địa mạnh mẽ trong lĩnh vực dịch vụ.

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Ngày 25/7, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã nâng dự báo tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn cầu thêm 0,2 điểm phần trăm, lên mức 3% từ mức dự báo tăng 2,8% đưa ra hồi tháng 4. Về năm 2024, IMF giữ nguyên dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu ở mức 3%.

Tỷ lệ lạm phát toàn phần của thế giới được cho là sẽ giảm về mức 6,8% trong năm nay từ mức 8,7% vào năm 2022. Báo cáo của IMF nhấn mạnh mối lo về điều kiện tín dụng thắt chặt hơn, tiền tiết kiệm của các hộ gia đình ở Mỹ cạn dần, và sự phục hồi kinh tế kém hơn dự kiến ở Trung Quốc sau khi nước này dỡ bỏ chính sách chống Covid-19 nghiêm ngặt.

DỰ BÁO CỦA IMF THÁNG 7/2023



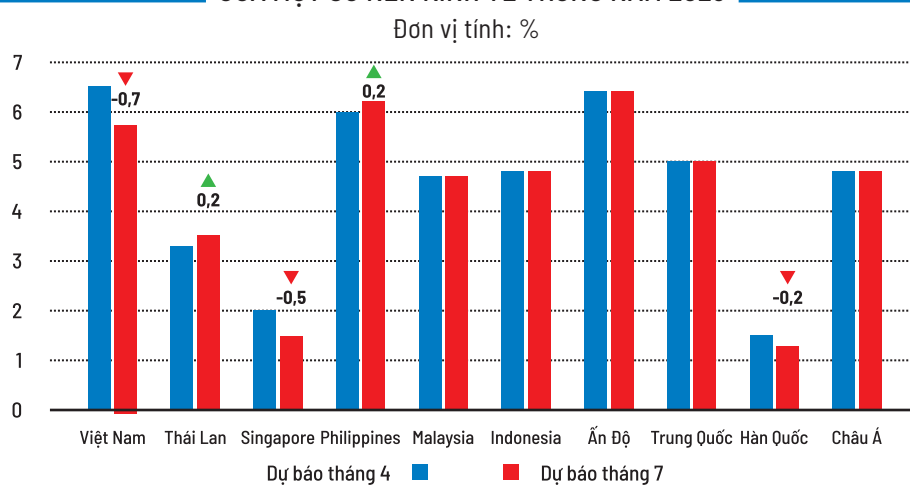
Nguồn: IMF

Báo cáo của IMF nhấn mạnh mối lo về điều kiện tín dụng thắt chặt hơn, tiền tiết kiệm của các hộ gia đình ở Mỹ cạn dần, và sự phục hồi kinh tế kém hơn dự kiến ở Trung Quốc sau khi nước này dỡ bỏ chính sách chống Covid-19 nghiêm ngặt.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2023

Ngày 19/7/2023, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cho biết vẫn duy trì triển vọng tăng trưởng của các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á và Thái Bình Dương ở mức 4,8% trong năm nay, do nhu cầu nội địa mạnh mẽ tiếp tục hỗ trợ sự phục hồi của khu vực. Tuy nhiên tại một số quốc gia trong khu vực, ADB đã điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng, trong đó có Việt Nam (từ 6,5% xuống còn 5,8%, giảm 0,7 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra trước đó).

ADB DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA MỘT SỐ NỀN KINH TẾ TRONG NĂM 2023



Nguồn: ADB



PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 07/2023

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

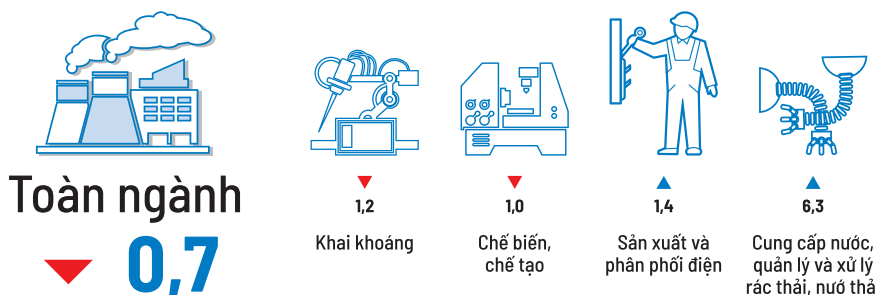
Mặc dù ngành sản xuất của Việt Nam vẫn nằm trong vùng suy giảm, nhưng đã có những dấu hiệu cho thấy sự ổn định khi chỉ số PMI ngành sản xuất của Việt Nam tăng lên 48,7 điểm trong tháng 7, so với mức 46,2 điểm của tháng 6. Tuy các điều kiện hoạt động đã suy giảm tháng thứ năm liên tiếp (tức dưới 50 điểm), nhưng đây là lần suy giảm nhẹ nhất trong vòng 5 tháng qua.

So với ASEAN, PMI của Việt Nam vẫn thấp hơn mức chung là 50,8 điểm, song đã vượt qua Singapore (48,5) và Malaysia (47,8). Tuy vậy, Việt Nam vẫn thấp hơn Indonesia (53,3 điểm), Philippines (51,9), Myanmar (51,1) và Thái Lan (50,7) khi các quốc gia này có các điều kiện hoạt động cải thiện mạnh hơn trong tháng 7.

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tháng 7/2023 tiếp tục cho thấy những tín hiệu khởi sắc, khi đạt mức tăng trưởng 3,9% so với tháng trước và tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước.

TỐC ĐỘ TĂNG CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP (IPP) 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong đó, so với cùng kỳ năm trước, ngành chế biến, chế tạo tăng 3,6%; ngành khai khoáng tăng 4%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,1%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,3%.

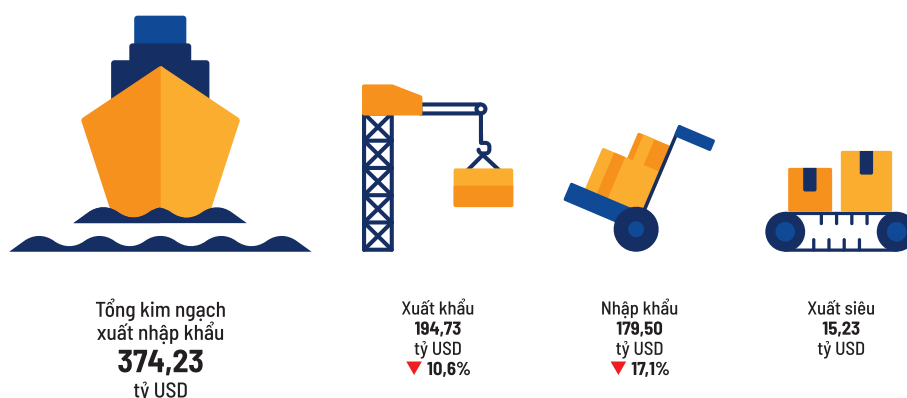
BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2023

Tuy nhiên, do tình hình kinh tế thế giới những tháng đầu năm 2023 gặp nhiều khó khăn, nên đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất công nghiệp trong nước. Tính chung 7 tháng năm 2023, IIP ước tính giảm 0,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 tăng 8,6%).

1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 7, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 57,21 tỷ USD, tăng 2,5% so với tháng trước và giảm 6,7% so với cùng kỳ năm trước.

CÂN CÂN THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

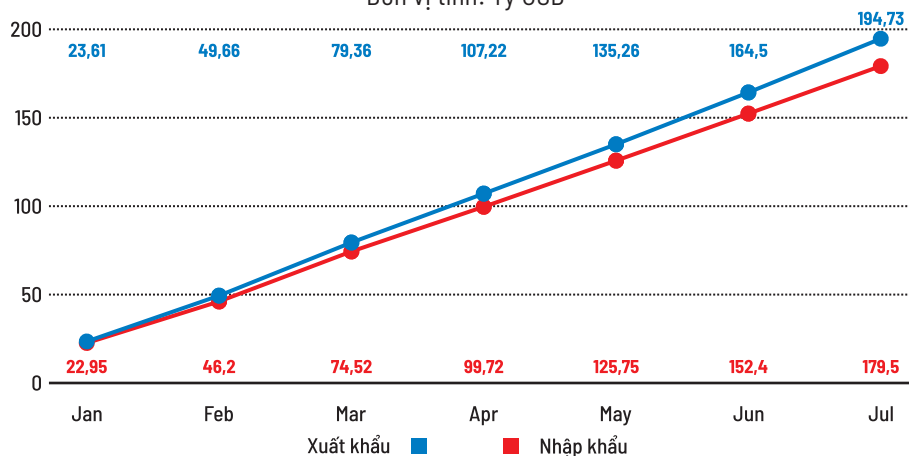


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Lũy kế 7 tháng, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 374,23 tỷ USD, giảm 13,9% so cùng kỳ 2022; trong đó xuất khẩu giảm 10,6%; nhập khẩu giảm 17,1%.

DIỄN BIẾN HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM NĂM 2023

Đơn vị tính: Tỷ USD



Nguồn: Tổng cục Thống kê

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2023

▪ Về xuất khẩu hàng hóa:

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 7/2023 ước đạt 29,68 tỷ USD, tăng 0,8% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 7,76 tỷ USD, giảm 1,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 21,92 tỷ USD, tăng 1,7%. Lũy kế 7 tháng, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 194,73 tỷ USD, giảm 10,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 51,5 tỷ USD, giảm 10,2%, chiếm 26,4% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 143,23 tỷ USD, giảm 10,8%, chiếm 73,6%.

▪ Về nhập khẩu hàng hóa:

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 7/2023 ước đạt 27,53 tỷ USD, tăng 4,4% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 10,73 tỷ USD, tăng 14,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 16,8 tỷ USD, giảm 1%. Lũy kế 7 tháng, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 179,5 tỷ USD, giảm 17,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 64,1 tỷ USD, giảm 16,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 115,4 tỷ USD, giảm 17,7%.

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng Bảy, cả nước có 13,7 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký gần 126,9 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký gần 79 nghìn lao động, giảm 1,2% về số doanh nghiệp, giảm 8,6% về vốn đăng ký và giảm 24% về số lao động so với tháng 6/2023. So với cùng kỳ năm trước, tăng 4,3% về số doanh nghiệp, tăng 2,4% về số vốn đăng ký và giảm 25,6% về số lao động.

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2022



Nguồn: Tổng cục Thống kê

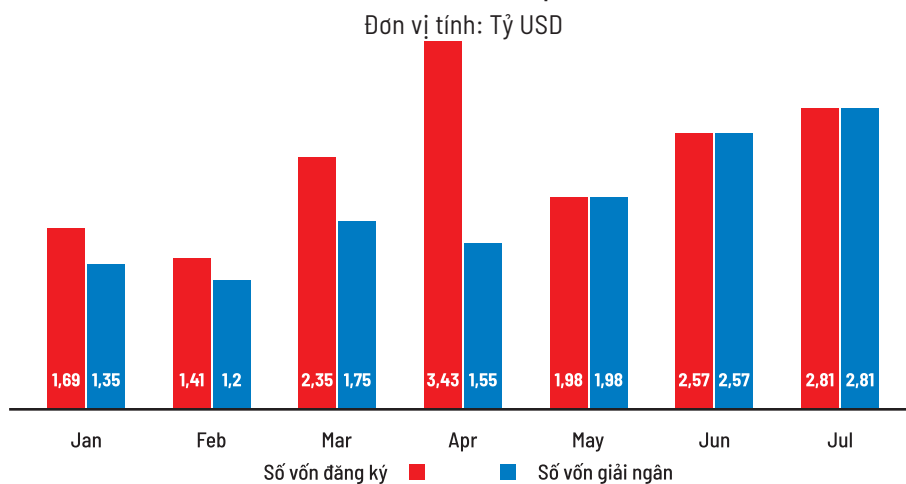
Tính chung 7 tháng năm 2023, cả nước có 89,6 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 834,3 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký 588,9 nghìn lao động, tăng 0,2% về số doanh nghiệp, giảm 17,1% về vốn đăng ký và giảm 5,2% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 7 tháng năm 2023 đạt 9,3 tỷ đồng, giảm 17,3% so với cùng kỳ năm 2022.

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Bảy ước đạt 58,5 nghìn tỷ đồng, tăng 28,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt hơn 291 nghìn tỷ đồng, bằng 41,3% kế hoạch năm và tăng 22,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 bằng 39,7% và tăng 12,3%).

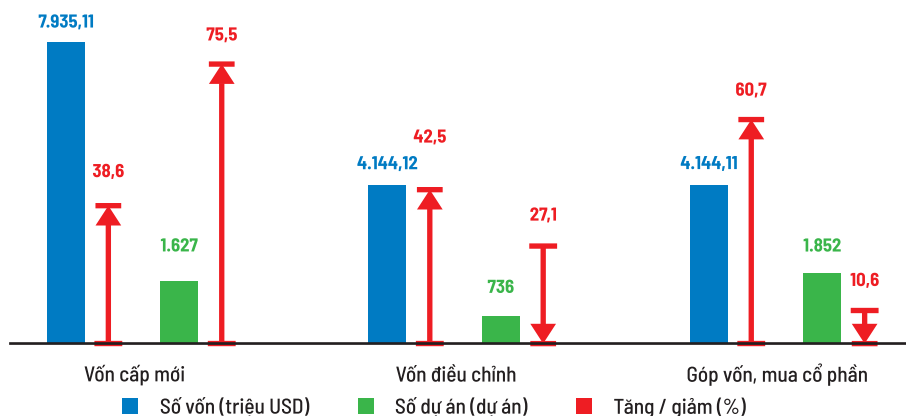
Với việc dự án LG Innotek Hải Phòng tăng vốn thêm 1 tỷ USD, vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam 7 tháng đầu năm đã có “cú” lợi ngược dòng trở lại sau nhiều tháng giảm liên tục. Cụ thể, tính riêng trong tháng 7/2023, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt hơn 2,8 tỷ USD, tăng 8,9% so với tháng 6/2023, tăng 41,9% so với tháng 5/2023 và tăng 85,7% so với cùng kỳ tháng 7/2022. Lũy kế tính đến ngày 20/7/2023, tổng vốn đầu tư cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 16,24 tỷ USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ.

VỐN ĐĂNG KÝ VÀ GIẢI NGÂN QUA CÁC THÁNG



Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ KH&ĐT)

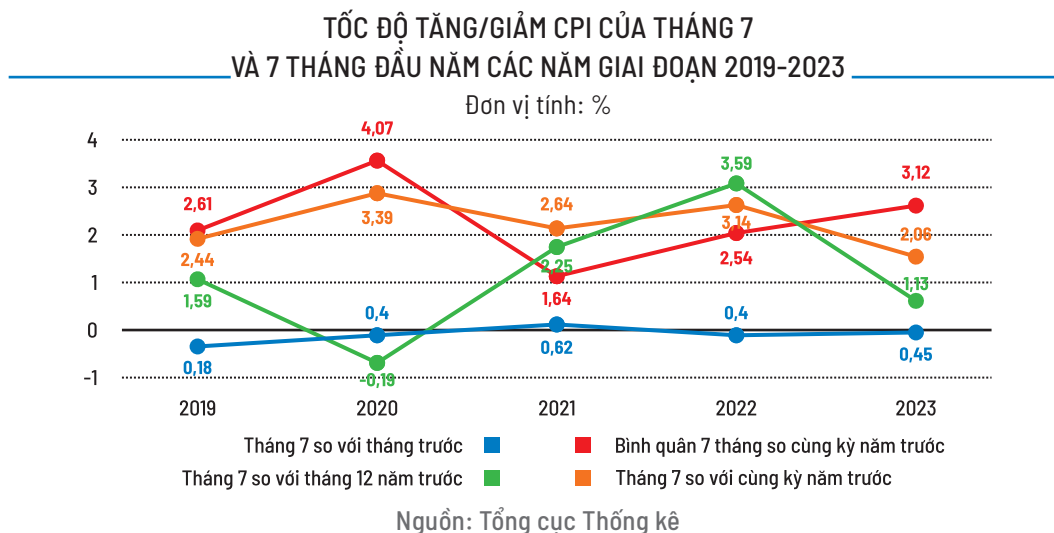
CƠ CẤU VỐN ĐẦU TƯ 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2023



Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ KH&ĐT)

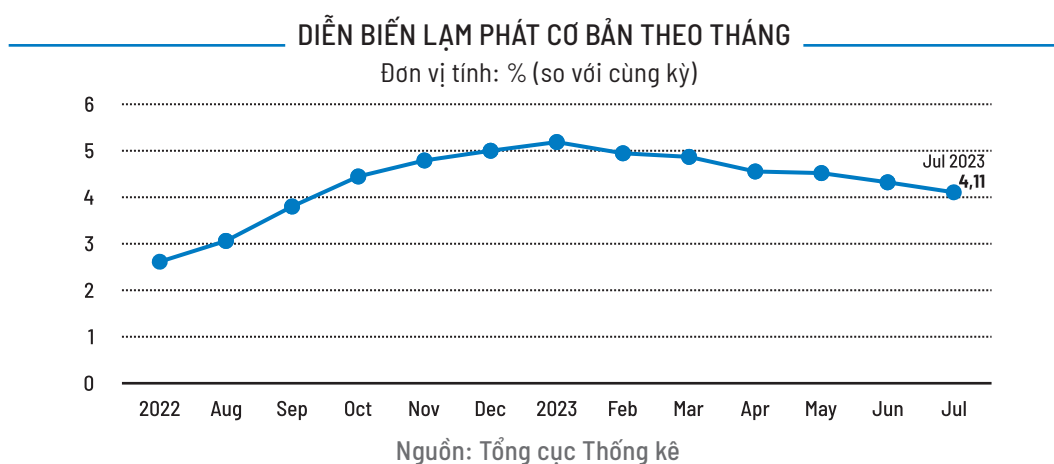
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt tăng khi nhu cầu tăng cao vào mùa du lịch là những nguyên nhân chính làm **chỉ số giá tiêu dùng (CPI)** tháng 7/2023 tăng 0,45% so với tháng trước. So với tháng 12/2022, CPI tháng Bảy tăng 1,13% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,06%. Bình quân 7 tháng năm 2023, CPI tăng 3,12% so với cùng kỳ năm trước.



1.1.6. Lạm phát cơ bản

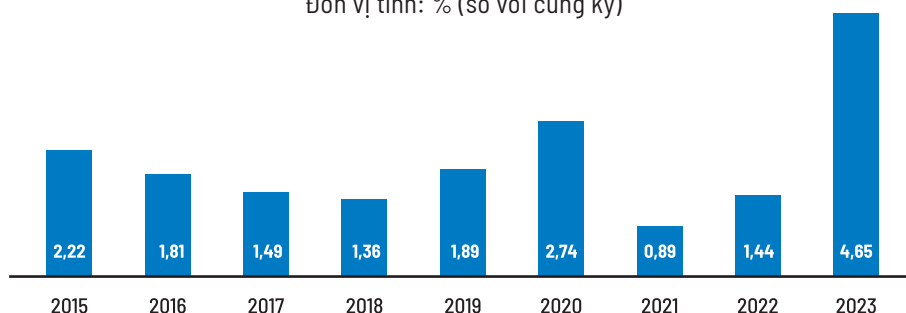
Trong tháng 7/2023, lạm phát cơ bản tăng 0,36% so với tháng trước, tăng 4,11% so với cùng kỳ năm trước.



Bình quân 7 tháng năm 2023, lạm phát cơ bản tăng 4,65% so với cùng kỳ năm 2022, cao hơn mức tăng CPI bình quân chung (tăng 3,12%). Nguyên nhân chủ yếu do bình quân giá xăng dầu trong nước 7 tháng năm 2023 giảm 19,32% so với cùng kỳ năm trước, giá gas giảm 11,44% là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

LẠM PHÁT CƠ BẢN 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị tính: % (so với cùng kỳ)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

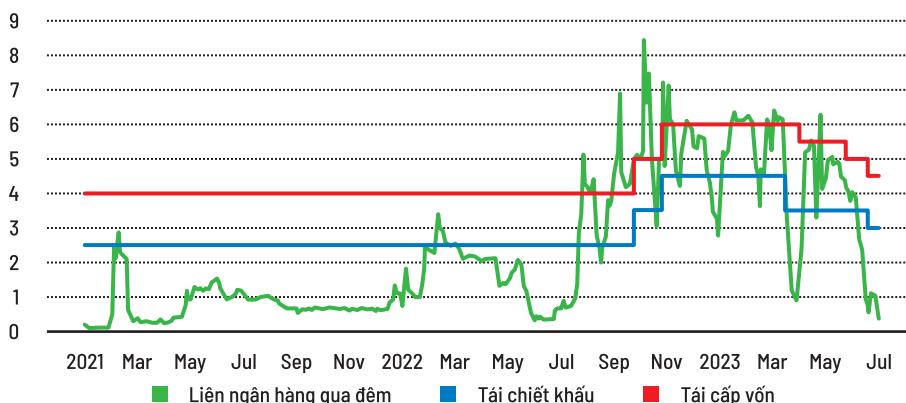
Tăng trưởng kinh tế thấp hơn dự kiến, sự sụt giảm của tổng cầu đã ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó phản ánh mức tăng trưởng tín dụng thấp trong thời gian qua. Tính đến 30/6/2023, dư nợ tín dụng nền kinh tế đạt trên 12,49 triệu tỉ đồng, tăng 4,73% so với cuối năm 2022, thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu tăng trưởng 14-15%. Do vậy, ngày 10/7/2023, NHNN đã có quyết định điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2023 ở mức 14% (mục tiêu đầu năm 2023 tăng khoảng 14-15%, có điều chỉnh tùy tình hình thực tế).

1.2.2. Lãi suất

Sau 4 lần giảm liên tiếp lãi suất điều hành với mức giảm từ 0,5-2%/năm, mặt bằng lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân phát sinh mới ngoài thị trường đã giảm khoảng 1-1,2%/năm so với cuối năm 2022. Trong thời gian tới, theo chỉ đạo chung của Chính phủ (phấn đấu giảm 1,5-2%), dự báo mặt bằng lãi suất huy động và cho vay sẽ tiếp tục giảm.

LÃI SUẤT VIỆT NAM ĐANG ĐÀ GIẢM

Đơn vị tính: % (yoy)



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

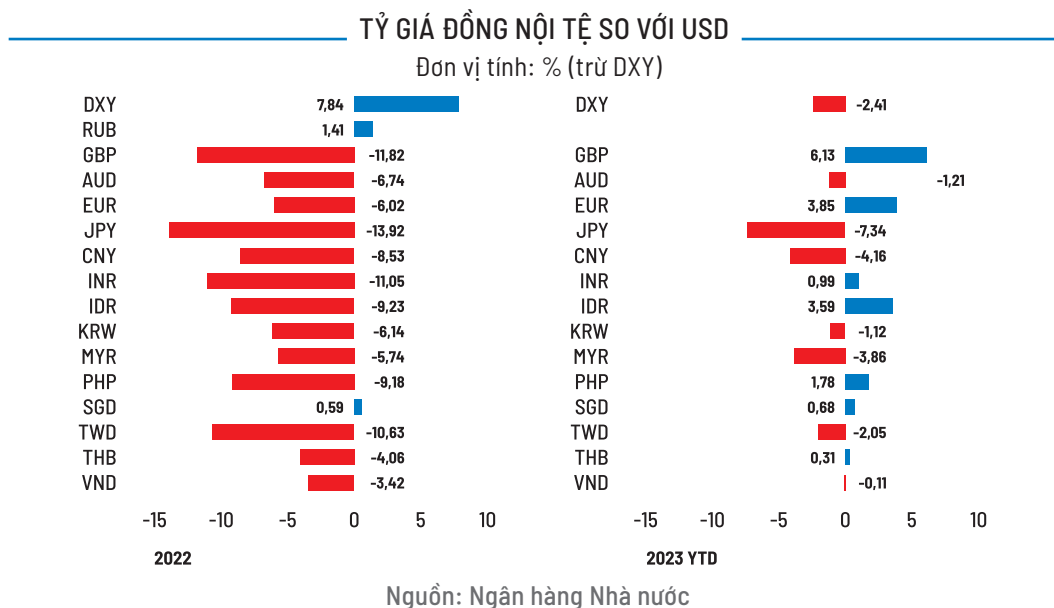
BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2023

Lãi suất huy động và cho vay trên thị trường đã giảm, song áp lực lãi vay vẫn lớn khiến nhiều doanh nghiệp khó tiếp cận vốn tín dụng, nhất là khi môi trường kinh doanh đối mặt với không ít khó khăn, thách thức.

Tính đến hôm nay 28/7, có 26 ngân hàng giảm lãi suất huy động trong tháng 7, gồm: Agribank, Vietcombank, VietinBank, BIDV, ABBank, Bắc Á Bank, BVBank, Saigonbank, SHB, Nam Á Bank, Eximbank, LPBank, VPBank, OCB, VietBank, OceanBank, MSB, SeABank, GPBank, PVCombank, NCB, HDBank, Bảo Việt Bank, Kiên Long Bank và Techcombank, TPBank.

1.2.3. Tỷ giá

Tỷ giá trung tâm được điều hành linh hoạt, phù hợp. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 23.787 VND/USD trong tháng 7/2023. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 7/2023 tăng 0,53% so với tháng trước; giảm 1,71% so với tháng 12/2022; tăng 1,04% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 7 tháng năm 2023 tăng 2,39%.



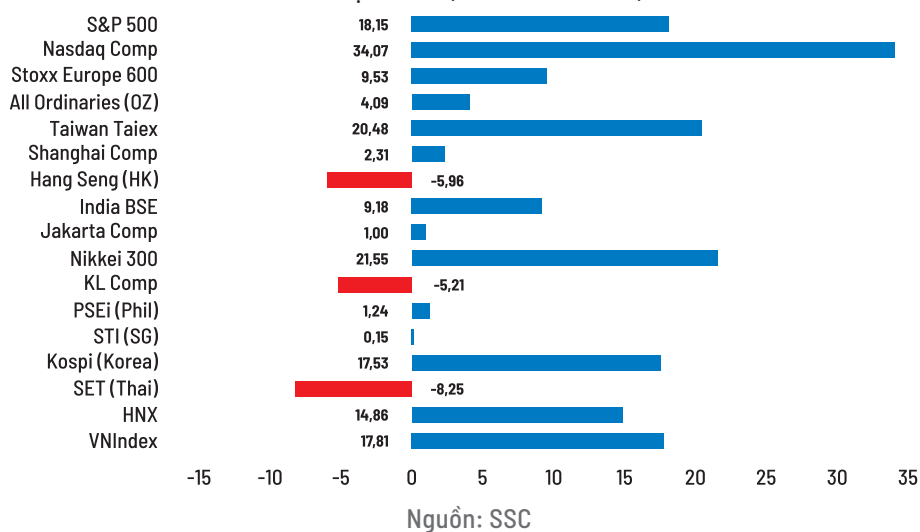
1.2.4. Chứng khoán

Chứng khoán Việt Nam duy trì đà tăng điểm nhờ những tín hiệu phục hồi trong kết quả kinh doanh quý II của một số doanh nghiệp niêm yết và một vài thông tin tích cực liên quan tới cuộc họp của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed).

Tháng 7, VN-Index tăng 16% so với cuối năm 2022. Nếu tính từ đầu năm, VN-Index đã tăng hơn 18% so với thời điểm cuối năm ngoái, so với những kênh đầu tư khác thì kênh chứng khoán đang đem lại một tỷ suất đầu tư vượt trội rõ ràng, quy mô vốn hóa thị trường đến nay đạt 64% so với GDP.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN ĐANG DẦN PHỤC HỒI

Đơn vị tính: % (từ 1/1 - 21/7/2023)



2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

Năm tháng cuối năm, Chính phủ sẽ tập trung tháo gỡ khó khăn pháp lý cho doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp trong giảm thuế phí, gia hạn phí, thuê đất để cho doanh nghiệp phát triển. Bên cạnh đó, tạo ra thị trường tài chính, để có nguồn vốn đáp ứng cho doanh nghiệp, phối hợp chính sách tài khóa với chính sách tiền tệ để phục hồi kinh tế.

Bộ Tài chính đã đề ra nhiều biện pháp, để thực hiện hiệu quả các mục tiêu về tài chính - ngân sách; phấn đấu thu đạt và vượt dự toán, bù đắp số giảm thu do thực hiện các chính sách hỗ trợ nền kinh tế. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế kiểm tra, giám sát giá cả, đảm bảo sự vận hành ổn định, an toàn của thị trường tài chính.

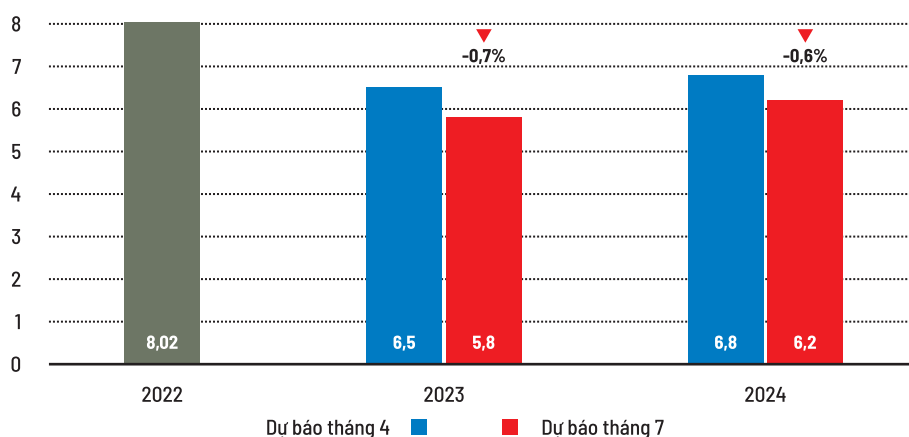
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

IMF cho rằng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ phục hồi vào nửa cuối năm 2023, đạt khoảng 4,7% cho cả năm nhờ xuất khẩu phục hồi và các chính sách trong nước nới lỏng. Lạm phát dự kiến sẽ được kiểm soát dưới mức mục tiêu 4,5% của Ngân hàng Nhà nước.

ADB cũng điều chỉnh hạ dự báo tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2023 từ 6,5% xuống còn 5,8%, và từ 6,8% xuống còn 6,2% trong năm 2024. Nhu cầu bên ngoài yếu tiếp tục gây áp lực lên sản xuất công nghiệp và chế biến chế tạo, trong khi các điều kiện trong nước dự kiến sẽ được cải thiện. Lạm phát được dự báo sẽ chậm lại ở mức 4% trong năm 2023 và 2024.

ADB HẠ DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG CỦA VIỆT NAM

Đơn vị tính: %



Nguồn: ADB

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2023

Ngày 10/7, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương đã đưa ra 3 kịch bản tăng trưởng GDP cho năm 2023:

- **Kịch bản 1** giả thiết các yếu tố kinh tế thế giới tiếp tục duy trì phù hợp với đánh giá của các tổ chức quốc tế, và Việt Nam duy trì nỗ lực chính sách tương tự như nửa cuối các năm 2021-2022.
- **Kịch bản 2** giữ nguyên hầu hết các giả thiết trong kịch bản 1 liên quan đến yếu tố kinh tế thế giới, song có một số điều chỉnh về nợ lũng tiền tệ và tài khóa tích cực hơn ở Việt Nam.
- **Kịch bản 3** giả thiết bối cảnh kinh tế thế giới có một số chuyển biến tích cực hơn và sự quyết liệt trong cải cách và điều hành ở Việt Nam, qua đó giúp đạt kết quả tối đa về giải ngân/hấp thụ đầu tư công và tín dụng, cải thiện môi trường kinh doanh và năng suất lao động, thúc đẩy và thực hiện hoạt động đầu tư theo hướng hiệu quả hơn.

3 KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG GDP CHO NĂM 2023

	KỊCH BẢN 1	KỊCH BẢN 2	KỊCH BẢN 3
Tăng trưởng GDP (%)	5,34	5,72	6,46
Tăng trưởng xuất khẩu	-5,64	-3,66	-2,17
CPI bình quân	3,43	3,87	4,39
Cán cân thương mại (tỷ USD)	9,1	10,3	6,8

Nguồn: CIEM



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

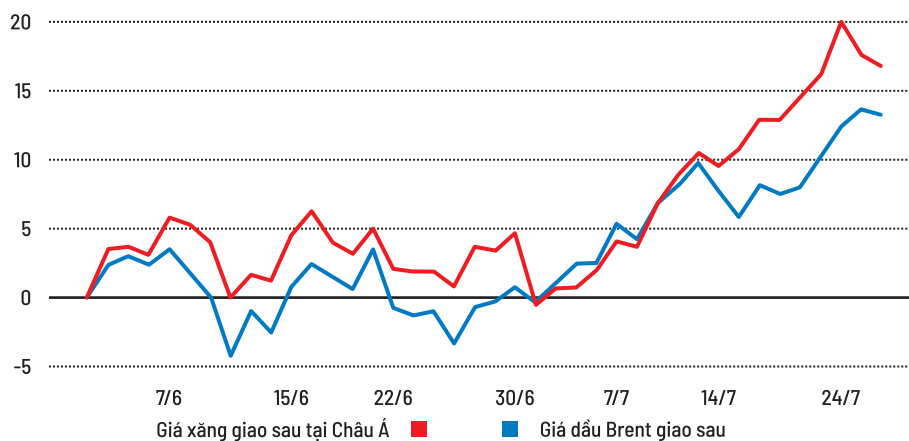
1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Số lượng giàn khoan dầu của Mỹ gần đây đã chạm mức thấp nhất trong 16 tháng, giảm 15% so với mức đỉnh cuối năm 2022.

Tồn kho thấp và nhu cầu cao tại các khu vực trọng điểm đã góp phần khiến giá xăng trên khắp thế giới bật tăng. Ở châu Âu, giá xăng đang tăng nhanh hơn giá dầu thô, dù xu hướng này vẫn chưa khiến chi phí năng lượng của người dân phình to.

ĐÀ TĂNG CỦA GIÁ XĂNG VƯỢT MỨC TĂNG CỦA GIÁ DẦU THÔ



Nguồn: Bloomberg

Goldman Sachs ước tính *nhu cầu dầu toàn cầu đã tăng lên mức kỷ lục 102,8 triệu thùng/ngày trong tháng 7* và điều chỉnh mức tăng nhu cầu trong năm 2023 thêm khoảng 550.000 thùng/ngày dựa trên ước tính tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ hơn ở Ấn Độ và Mỹ, bù đắp cho sự tiêu thụ sụt giảm ở Trung Quốc.

1.1.2. Thị trường trong nước

Bình quân giá xăng dầu trong nước 7 tháng năm 2023 giảm 19,32% so với cùng kỳ năm trước.

Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu bình quân mỗi năm khoảng 20,5 – 21 triệu m³ tấn. Nguồn cung từ sản xuất trong nước đáp ứng 70% nhu cầu tiêu dùng cả nước, 30% cầu còn lại vẫn phải nhập khẩu xăng dầu thành phẩm từ các nước như Hàn Quốc, Malaysia,...

1.2. Dự báo

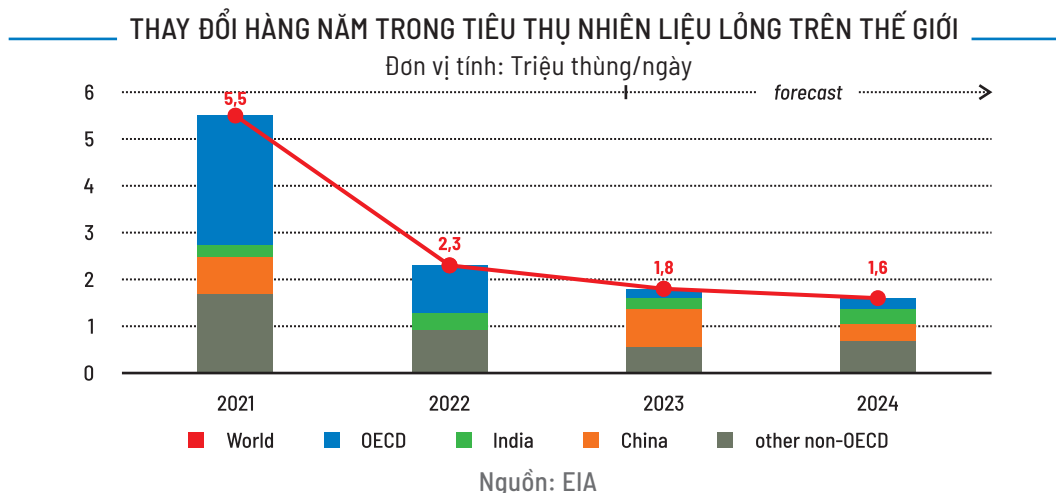
1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung dầu mỏ:

Nguồn cung được EIA dự báo tăng 1,2 triệu thùng lên 101,2 triệu thùng/ngày, chủ yếu từ các nhà sản xuất ngoài OPEC như Mỹ, Na Uy...

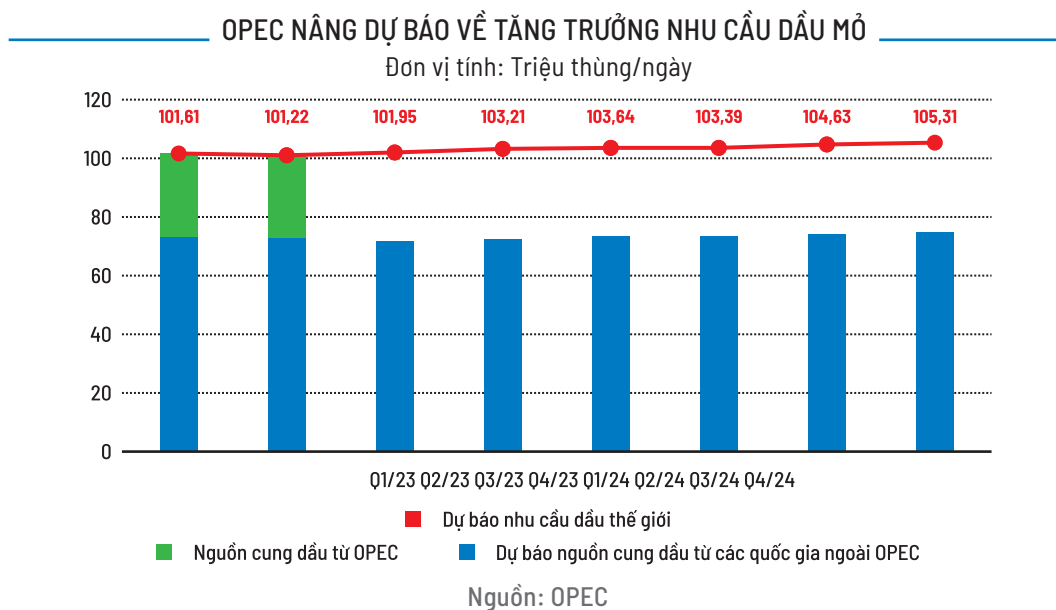
▪ Cầu dầu mỏ:

Trong báo cáo tháng 7, EIA dự báo nhu cầu tiêu thụ dầu thô toàn cầu tăng thêm 1,8 triệu thùng/ngày so với năm 2022 lên mức 101,4 triệu thùng/ngày trong năm 2023, được dẫn dắt bởi thị trường Trung Quốc (+0,8 triệu thùng/ngày) và Ấn Độ (+0,3 triệu thùng/ngày).



Ngày 13/7, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo nhu cầu dầu mỏ toàn cầu sẽ lên mức cao kỷ lục trong năm nay mặc dù tăng trưởng kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn.

Cùng ngày, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) đã nâng dự báo về tăng trưởng nhu cầu dầu mỏ trong năm 2023, với Trung Quốc và Ấn Độ sẽ tiếp tục tăng cường sử dụng nhiên liệu. Theo đó, OPEC dự báo nhu cầu dầu thô toàn cầu năm 2023 sẽ tăng 2,4 triệu thùng/ngày lên mức 102 triệu thùng/ngày và sản lượng của các quốc gia ngoài OPEC có thể đạt 72,6 triệu thùng/ngày.



▪ **Diễn biến giá:**

Ngân hàng Goldman Sachs duy trì dự báo giá dầu Brent ở mức 86 USD/thùng vào tháng 12 và kỳ vọng giá sẽ tăng lên 93 USD/thùng trong quý II/2024.

1.2.2. Thị trường trong nước

Bộ Công Thương dự báo nhu cầu xăng dầu năm 2023 tăng 10-15% so với năm 2022.

Thủ tướng Chính phủ vừa ký ban hành quyết định phê duyệt Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, Việt Nam sẽ xây mới 500.000 m³ kho chứa xăng dầu đến 2030 phục vụ dự trữ quốc gia. Kho dự trữ dầu thô sẽ được xây mới 1-2 kho tại các khu vực gần nhà máy lọc dầu (Dung Quất, Nghi Sơn, Long Sơn), với tổng công suất 1-2 triệu tấn dầu thô.

Với hạ tầng dự trữ thương mại, sẽ tiếp tục khai thác 89 kho hiện nay và mở rộng, nâng công suất các kho thương mại lên khoảng 1,4 triệu m³. Cùng đó, 59 kho xăng dầu thương mại sẽ được xây mới tại các địa phương, tổng công suất khoảng 5,1 triệu m³.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trung Quốc đang trên đà trở thành nước nhập khẩu khí đốt tự nhiên hóa lỏng (LNG) lớn nhất thế giới trong năm 2023. Năm nay cũng là năm thứ ba liên tiếp các công ty Trung Quốc ký thỏa thuận nhập khẩu LNG dài hạn nhiều hơn bất kỳ quốc gia đơn lẻ nào.

2.1.2. Thị trường trong nước

Bình quân giá gas trong nước 7 tháng năm 2023 giảm 11,44% so cùng kỳ năm trước.

Tính từ đầu năm đến nay, giá gas trong nước có 5 lần giảm (tháng 1, tháng 3, tháng 4, tháng 6 và tháng 7) và hai lần tăng vào tháng 2 và tháng 5 vừa qua. Tuy nhiên, theo các chuyên gia, xu hướng giá gas có thể đổi chiều trong các tháng cuối năm do chuẩn bị nhiên liệu cho mùa đông cũng như dịp lễ hội cuối năm.

Nguồn cung khí đang khai thác trong nước đang bước vào giai đoạn suy giảm nhanh: Nguồn khí chính từ hệ thống Nam Côn Sơn 1 (Lô 06.1, Lô 11.2 và Lô 12W).

Các nguồn khí giá rẻ đang sụt giảm sản lượng, thay vào đó là các nguồn khí có giá cao như Thiên Ưng, Đại Hùng, Sao Vàng - Đại Nguyệt, PM3 - Cà Mau mua từ Malaysia.

Đầu tháng 7 vừa qua, chuyến tàu LNG nhập khẩu đầu tiên đã được PV GAS tiếp nhận tại kho cảng Thị Vải. Với khối lượng gần 70.000 tấn LNG được nhập từ cảng Bontang, Indonesia, tàu Maran Gas Achilles cập cầu cảng PV GAS để cung cấp toàn bộ lượng LNG cho quá trình chạy thử và vận hành chính thức kho LNG Thị Vải.

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Càng ký nhiều thỏa thuận nhập khẩu khí đốt, Trung Quốc sẽ càng có nhiều quyền kiểm soát đối với nguồn cung LNG toàn cầu.

Trung Quốc đã đóng một vai trò quan trọng trong việc cân bằng thị trường, thông qua việc bán lại những lô hàng đã ký hợp đồng mua cho những người mua cần kíp nhất mỗi khi nhu cầu khí đốt ở Trung Quốc giảm xuống mức thấp yếu. Xu hướng này được dự báo sẽ còn mở rộng khi các thỏa thuận mới bắt đầu có hiệu lực trong thập kỷ này.

2.2.2. Thị trường trong nước

Các dự án nhập khẩu khí LNG là phương án khả thi trong giai đoạn tới, điển hình trước mắt là Dự án Kho chứa LNG Thị Vải.

Việc tiếp nhận thành công chuyến tàu LNG đầu tiên về Việt Nam của PV GAS vào đầu tháng 7 vừa qua có thể nói là một bước mở đầu để hiện thực hóa chiến lược về phát triển ngành công nghiệp LNG tại Việt Nam, cũng như cho các mục tiêu về chuyển dịch và xanh hóa nguồn năng lượng quốc gia.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

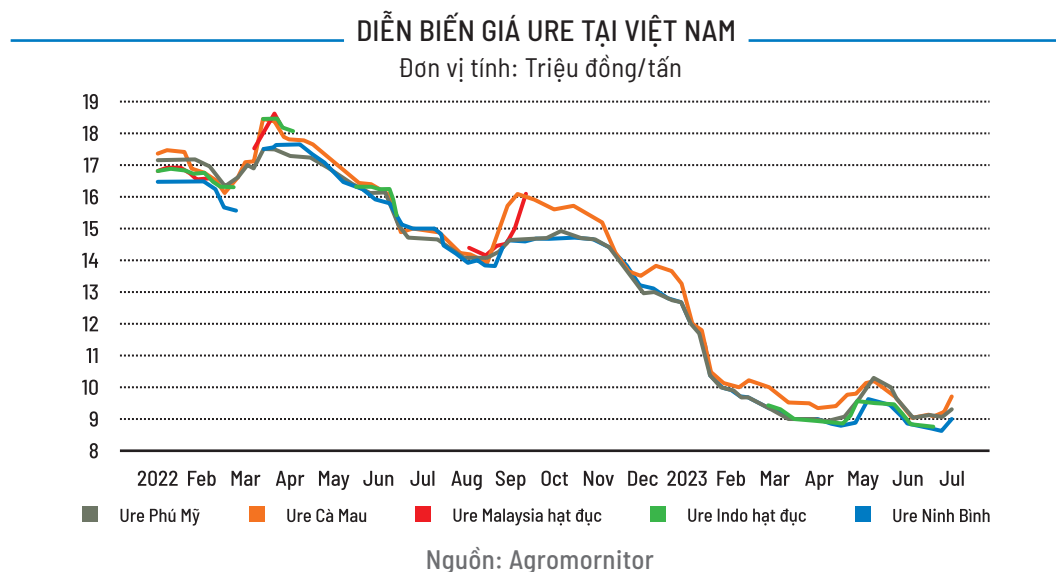
Từ cuối tháng 6 đến nay, giá ure tại nhiều thị trường quan trọng trên thế giới đã có sự phục hồi nhẹ trở lại.

Tại thị trường Đông Nam Á, nguồn cung giao ngay vẫn eo hẹp trong khu vực do 3 nhà máy chính ngừng hoạt động để bảo dưỡng ngoài kế hoạch ở Malaysia và Brunei và Indonesia đã làm giảm nguồn cung khoảng 380.000 tấn ure từ tháng 4 đến nay. Bên cạnh đó, chính phủ Indonesia cũng áp dụng hạn chế xuất khẩu phân bón để đảm bảo nguồn cung cho thị trường trong nước.

Giá phân ure Trung Quốc tăng nhẹ do sản lượng ure sản xuất của Trung Quốc giảm xuống do các nhà máy vận hành chỉ đạt khoảng 80%. Sản xuất phân bón từ các nhà máy chạy than chỉ đạt công suất bình quân 82% do có 4 nhà máy đóng cửa để bảo dưỡng.

3.1.2. Thị trường trong nước

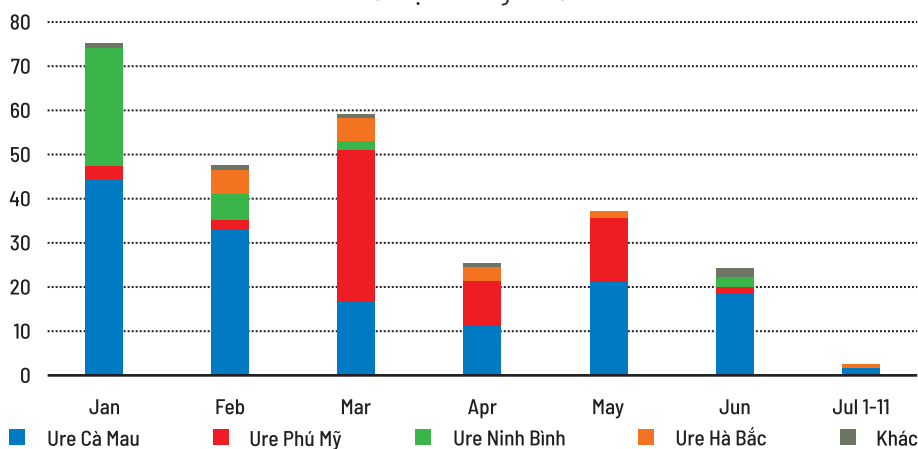
Giá các sản phẩm phân bón nhất là ure cũng đã giảm rất mạnh. Hiện tại giá ure nhập khẩu từ Trung Quốc về xấp xỉ trên dưới 8 triệu đồng/tấn. Trong khi giá ure trong nước vẫn dao động ở mức 8,7-8,8 triệu đồng/tấn tùy thương hiệu.



Xuất khẩu ure của Việt Nam đầu tháng 7 tiếp tục giữ ở mức thấp sau khi giảm mạnh trong 6 tháng đầu năm 2023.

XUẤT KHẨU URE VIỆT NAM QUA CÁC THÁNG

Đơn vị tính: Nghìn tấn

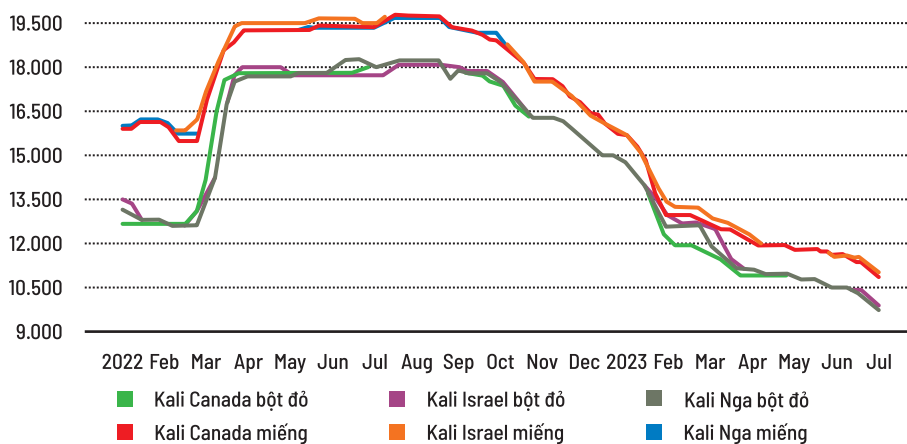


Nguồn: Agromonitor

Chào giá kali tại Việt Nam trung tuần tháng 7 tiếp tục giảm 100 - 350 đ/kg trong bối cảnh nhu cầu chậm, dù nguồn cung nhập khẩu không được cải thiện đáng kể.

DIỄN BIẾN GIÁ MỘT SỐ LOẠI KALI TẠI VIỆT NAM

Đơn vị tính: VNĐ/kg



Nguồn: Agromonitor

3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Dự báo thị trường ure từ nay đến cuối năm, có thể giá ure sẽ tăng nhẹ theo xu hướng biến động của giá than và khí nguyên liệu đầu vào cho sản xuất.

Ngoài ra, việc Nga áp đặt hạn ngạch mới cho xuất khẩu phân bón áp dụng từ ngày 1/6 đến ngày 30/11/2023 cũng là yếu tố có thể khiến giá phân ure tăng trong những tháng cuối năm.

3.2.2. Thị trường trong nước

Giá phân bón trong nước từ nay đến cuối năm sẽ tăng nhẹ do nhu cầu phân bón tăng lên khi bước vào mùa mưa cũng như nhu cầu chuẩn bị phân bón cho vụ Đông Xuân 2024. Bên cạnh đó, giá ure trong nước phụ thuộc rất nhiều vào giá than và khí nguyên liệu đầu vào. Trong khi đó, hiện nhu cầu than và khí cho sản xuất điện tại Việt Nam tăng cao nên giá hai nguyên liệu đầu vào quan trọng cho sản xuất phân đạm này cũng có thể tăng lên, khiến giá thành sản xuất ure sẽ tăng theo. Tuy nhiên mức tăng này dự báo chỉ là tăng nhẹ, không thể tăng mạnh như trong năm 2021 và 2022 vừa qua.

Hiện công suất sản xuất phân đạm ure của 4 nhà máy thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và Tập đoàn Hoá chất Việt Nam (Vinachem) đã lên xấp xỉ gần 3 triệu tấn/năm trong khi nhu cầu tiêu thụ trong nước chỉ ở ngưỡng 1,6-1,8 triệu tấn/năm. Vì vậy, mặc dù giá phân ure có thể tăng nhẹ trong những tháng cuối năm nhưng nguồn cung phân bón trong nước hoàn toàn đáp ứng nhu cầu phân bón cho sản xuất.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Giá điện âm đang trở nên phổ biến hơn ở châu Âu trong bối cảnh các nước thành viên Liên minh châu Âu (EU) tích cực xây dựng các trang trại năng lượng Mặt Trời để giảm nhu cầu đối với nhiên liệu hóa thạch không bền vững.

Tuy nhiên, việc sản xuất điện ở châu Âu đôi khi rất khó điều tiết, đặc biệt là khi các chính phủ khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo cho mục đích này.

4.1.2. Thị trường trong nước

Thách thức lớn nhất trong hệ thống điện hiện nay là tại miền Bắc hầu như không có nguồn điện mới nên đang phải truyền tải cao từ các nguồn điện dư thừa ở khu vực miền Trung và miền Nam ra miền Bắc.

Các nhà máy thủy điện vận hành phát điện bằng lưu lượng nước về nhưng hiện nay, một số nhà máy phải dừng để đảm bảo an toàn cho tổ máy khi vận hành với lưu lượng và cột nước thấp dưới thiết kế, không thể đáp ứng việc phát điện theo quy trình vận hành hồ chứa tại thời kỳ này.

Bên cạnh đó, việc cung ứng các nguyên liệu truyền thống như than, khí cũng gặp nhiều khó khăn, khó để đàm phán mua điện Trung Quốc với mức giá hợp lý vì bản thân Vân Nam (Trung Quốc) cũng đang thiếu điện.

Thêm nữa, tiến độ hàng loạt các dự án nguồn điện khu vực phía Bắc đưa vào chậm so với quy hoạch điện đã được phê duyệt trước đó đã gây áp lực đến cung cấp điện.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Hiện tại ước tính có khoảng 700 triệu người trên toàn thế giới đang phải sống trong tình trạng thiếu điện. Bất chấp những nỗ lực và một số tiến bộ về công nghệ, thế giới vẫn phải tiếp tục đối mặt với khoảng cách lớn trong vấn đề tiếp cận năng lượng.

Theo Ngân hàng Thế giới, thế giới đang chứng kiến đà giảm tốc trong vấn đề điện khí hóa toàn cầu. Các nguồn ngân sách công nhằm hỗ trợ năng lượng sạch ở những nước nghèo đã giảm xuống mức thấp hơn cả thời kỳ trước đại dịch Covid-19.

4.2.2. Thị trường trong nước

Quy hoạch Điện VIII được Chính phủ thông qua mới đây đã định hướng phát triển các dự án nhà máy điện dùng nhiên liệu truyền thống chuyển sang sử dụng khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) với quy mô rất lớn từ 0% năm 2020 lên xấp xỉ 22.400 MW năm 2030, chiếm gần 14,9% tổng quy mô nguồn năm 2030.

Theo Quy hoạch Điện VIII, với kế hoạch xây dựng 13 nhà máy điện khí LNG từ nay đến năm 2030, thì vai trò của PV GAS trong ngành công nghiệp khí LNG của Việt Nam sẽ ngày càng lớn. PV GAS sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp khí LNG và quản lý cơ sở hạ tầng liên quan đến ngành công nghiệp triển vọng này.

Tỷ lệ các nhà máy điện khí LNG trong Quy hoạch Điện VIII sẽ có nguy cơ gây ra thiếu điện, tăng chi phí đầu tư do phải tính thêm cả hạ tầng cảng LNG, giá cả LNG biến động lớn, tăng giá bán lẻ điện và không đảm bảo độc lập về an ninh năng lượng quốc gia.

Chính sách giá điện, thị trường điện ở nước ta là những vấn đề cốt lõi đối với sự phát triển ngành Điện, có mối quan hệ mật thiết với thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, tác động trực tiếp đến kinh doanh sản xuất của doanh nghiệp và đời sống người dân, ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư, tiến trình thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, cam kết quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu.



PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Tình hình biến động vĩ mô từ thị trường tài chính, dầu khí và các sản phẩm dầu, phân bón do tác động của thị trường tài chính thế giới, biến động của tỷ giá, giá vàng... đã ảnh hưởng rất lớn tới đầu tư cho lĩnh vực dầu khí, năng lượng.

Để ứng phó với thách thức nói trên PVN cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

- *Tiếp tục tập trung vào các nhóm giải pháp về tìm kiếm thăm dò - phát triển khai thác, đẩy nhanh công tác phát triển mỏ tại các dự án trọng điểm.*
- *Triển khai thu xếp vốn cho các dự án trọng điểm để tranh thủ thị trường vốn tốt cùng với việc tối ưu các hợp đồng tín dụng hiện có, cân đối với khả năng huy động vốn các kỳ hạn khác nhau.*
- *Thường xuyên đánh giá, xây dựng kế hoạch điều hành dựa trên kịch bản tăng trưởng kinh tế đất nước và mục tiêu quản trị để cụ thể hóa, bám sát, quản trị chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch.*
- *Rà soát, cập nhật, đẩy mạnh công tác đầu tư, đặc biệt tập trung đạt được các các cột mốc quan trọng của dự án Lô B cũng như thúc đẩy việc tiếp nhận, bàn giao dự án Ô Môn III, Ô Môn IV.*
- *Đánh giá công tác chuyển đổi số, ERP, xây dựng cơ sở dữ liệu, thực hiện dịch chuyển năng lượng, triển khai mô hình kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn trong toàn Tập đoàn.*

Riêng đối với ngành khí:

- *Tập trung vào các giải pháp trụ cột, trong đó tập trung nguồn lực cho đầu tư, xây dựng, quản lý và khai thác hạ tầng kỹ thuật quốc gia về điện khí LNG theo mô hình “Kho cảng LNG trung tâm” cung cấp nguồn khí tái hóa cho các trung tâm nhiệt điện khí vệ tinh trên toàn quốc.*
- *Kéo dài chuỗi giá trị sản phẩm từ cấu tử khí để nâng cao giá trị sản phẩm khí, trong đó ưu tiên tập trung nghiên cứu, đầu tư vào các dự án chế biến/chế biến sâu và cung cấp nguyên liệu để phát triển nhóm khách hàng hóa dầu.*
- *Tập trung nghiên cứu triển khai các dự án sản xuất hydro xanh, amoniac xanh... để cung cấp cho khách hàng nội địa và xuất khẩu phù hợp với xu hướng chuyển dịch năng lượng hướng đến tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.*

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2023

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 7 NĂM 2023

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 7 2023	7 tháng đầu năm 2023	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	Tăng trưởng GDP		n/a	n/a	-	-	-	-
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	-	103,9	103,7	99,3	-
3	Hoạt động của doanh nghiệp							
3.1	Thành lập mới	DN	13.700	-	99,8	104,3	98,6	-
3.2	Quay lại hoạt động	DN	7.000	37.700	99,0	96,5	-	-
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN						
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	6.844	66.800	134,9	130,3	119,3	-
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	5.257	36.000	-	-	127,9	-
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.581	10.400	-	-	100,6	-
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	Nghìn tỷ	-	1.357,7	-	-	104,7	-
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	58,5	291	-	128,4	122,1	-
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-	16,24	-	-	104,5	-
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	11,58	-	-	100,8	-
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	512,2	3.529,8	101,1	107,1	110,4	-
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa							
5.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	29,68	194,73	100,8	96,5	89,4	-
5.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	27,53	179,5	104,4	90,1	82,9	-
5.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 2,15	Xuất siêu 15,23	-	-	-	-
7	Chỉ số giá							
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,45	102,06	103,12	101,13
7.2	Chỉ số giá vàng				99,97	101,04	101,06	103,27
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				100,53	101,04	102,39	98,29
7.4	Lạm phát cơ bản				100,36	104,11	104,65	-

A: Tháng 7/2023 so với tháng trước


B: Tháng 7/2023 so với tháng 7/2022

C: 7 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm 2022

D: Tháng 7/2023 so với tháng 12/2022



Ảnh bìa: Thị trường bất động sản thương mại ở nhiều nước lâm vào khó khăn.

 Pexels / Talha Riaz



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện